

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1376 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ dân tộc và tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 241/TTr.ĐTNNS-STC ngày 08 tháng 5 năm 2026; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 1770/BC-VP ngày 25 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau đây:

1. Địa bàn ưu đãi đầu tư có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 14 xã khu vực II và 87 xã khu vực III.

2. Địa bàn ưu đãi đầu tư có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 23 xã, phường Khu vực I.

(Chi tiết tại Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi thông tin về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp và thực hiện công bố theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

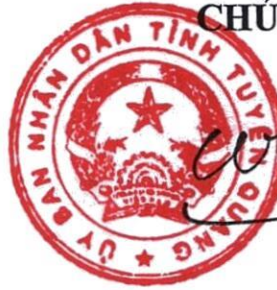
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Dân tộc và Tôn giáo; Trường Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chuyên viên khối NCTH;
- Lưu: VT, KTN (Thảo).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực
		DTTS	MN	
A	TỔNG CỘNG			
	Xã có thôn thuộc vùng DTTS, MN, DTTS&MN	123	119	124
	Xã khu vực I			23
	Xã khu vực II			14
	Xã khu vực III			87
B	CHI TIẾT			
I	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Xã khu vực I (23 xã, phường)			
1	Xã Chiêm Hoá	DTTS	MN	I
2	Xã Yên Nguyên	DTTS	MN	I
3	Xã Hàm Yên	DTTS	MN	I
4	Xã Thái Hoà	DTTS	MN	I
5	Xã Bình Xa	DTTS	MN	I
6	Xã Phú Lương	DTTS	MN	I
7	Xã Sơn Thủy	DTTS	MN	I
8	Xã Sơn Dương	DTTS	MN	I
9	Xã Bình Ca	DTTS	MN	I
10	Xã Xuân Vân	DTTS	MN	I
11	Xã Thái Bình	DTTS	MN	I
12	Xã Yên Sơn	DTTS	MN	I
13	Xã Hồng Sơn	DTTS	MN	I
14	Xã Trường Sinh	DTTS	MN	I
15	Phường Mỹ Lâm	DTTS		I
16	Phường Minh Xuân	DTTS		I
17	Phường An Tường	DTTS		I
18	Phường Bình Thuận	DTTS		I

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực
		DTTS	MN	
19	Phường Nông Tiến	DTTS		I
20	Phường Hà Giang 1	DTTS	MN	I
21	Phường Hà Giang 2	DTTS	MN	I
22	Xã Vị Xuyên	DTTS	MN	I
23	Xã Bắc Quang	DTTS	MN	I
II	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Xã khu vực II (14 xã)			
1	Xã Minh Thanh	DTTS	MM	II
2	Xã Bằng Hành	DTTS	MN	II
3	Xã Hùng An	DTTS	MN	II
4	Xã Vĩnh Tuy	DTTS	MN	II
5	Xã Đồng Yên	DTTS	MN	II
6	Xã Tân Trịnh	DTTS	MN	II
7	Xã Nà Hang	DTTS	MN	II
8	Xã Kim Bình	DTTS	MN	II
9	Xã Thái Sơn	DTTS	MN	II
10	Xã Phù Lưu	DTTS	MN	II
11	Xã Yên Phú	DTTS	MN	II
12	Xã Tân Thanh	DTTS	MN	II
13	Xã Tân Trào	DTTS	MN	II
14	Xã Nhữ Khê	DTTS	MN	II
III	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Xã khu vực III (87 xã)			
1	Xã Thượng Lâm	DTTS	MN	III
2	Xã Lâm Bình	DTTS	MN	III
3	Xã Bình An	DTTS	MN	III
4	Xã Minh Quang	DTTS	MN	III
5	Xã Côn Lôn	DTTS	MN	III
6	Xã Hồng Thái	DTTS	MN	III
7	Xã Yên Hoa	DTTS	MN	III
8	Xã Thượng Nông	DTTS	MN	III

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực
		DTTS	MN	
9	Xã Hoà An	DTTS	MN	III
10	Xã Tân An	DTTS	MN	III
11	Xã Yên Lập	DTTS	MN	III
12	Xã Kiên Đài	DTTS	MN	III
13	Xã Tân Mỹ	DTTS	MN	III
14	Xã Trung Hà	DTTS	MN	III
15	Xã Tri Phú	DTTS	MN	III
16	Xã Bạch Xa	DTTS	MN	III
17	Xã Hùng Đức	DTTS	MN	III
18	Xã Tân Long	DTTS	MN	III
19	Xã Kiến Thiết	DTTS	MN	III
20	Xã Lục Hành	DTTS	MN	III
21	Xã Trung Sơn	DTTS	MN	III
22	Xã Hùng Lợi	DTTS	MN	III
23	Xã Đông Thọ	DTTS	MN	III
24	Xã Lũng Cú	DTTS	MN	III
25	Xã Đồng Văn	DTTS	MN	III
26	Xã Sà Phìn	DTTS	MN	III
27	Xã Phố Bàng	DTTS	MN	III
28	Xã Lũng Phìn	DTTS	MN	III
29	Xã Sủng Máng	DTTS	MN	III
30	Xã Sơn Vĩ	DTTS	MN	III
31	Xã Mèo Vạc	DTTS	MN	III
32	Xã Khâu Vai	DTTS	MN	III
33	Xã Niêm Sơn	DTTS	MN	III
34	Xã Tát Ngà	DTTS	MN	III
35	Xã Thảng Mố	DTTS	MN	III
36	Xã Bạch Đích	DTTS	MN	III
37	Xã Yên Minh	DTTS	MN	III
38	Xã Mậu Duệ	DTTS	MN	III

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực
		DTTS	MN	
39	Xã Ngọc Long	DTTS	MN	III
40	Xã Du Già	DTTS	MN	III
41	Xã Đường Thượng	DTTS	MN	III
42	Xã Lùng Tám	DTTS	MN	III
43	Xã Cán Tỷ	DTTS	MN	III
44	Xã Nghĩa Thuận	DTTS	MN	III
45	Xã Quán Bạ	DTTS	MN	III
46	Xã Tùng Vài	DTTS	MN	III
47	Xã Yên Cường	DTTS	MN	III
48	Xã Đường Hồng	DTTS	MN	III
49	Xã Bắc Mê	DTTS	MN	III
50	Xã Minh Ngọc	DTTS	MN	III
51	Xã Minh Sơn	DTTS	MN	III
52	Xã Giáp Trung	DTTS	MN	III
53	Xã Ngọc Đường	DTTS	MN	III
54	Xã Lao Chải	DTTS	MN	III
55	Xã Thanh Thủy	DTTS	MN	III
56	Xã Phú Linh	DTTS	MN	III
57	Xã Linh Hồ	DTTS	MN	III
58	Xã Bạch Ngọc	DTTS	MN	III
59	Xã Việt Lâm	DTTS	MN	III
60	Xã Minh Tân	DTTS	MN	III
61	Xã Thuận Hoà	DTTS	MN	III
62	Xã Tùng Bá	DTTS	MN	III
63	Xã Thượng Sơn	DTTS	MN	III
64	Xã Cao Bồ	DTTS	MN	III
65	Xã Tân Quang	DTTS	MN	III
66	Xã Đồng Tâm	DTTS	MN	III
67	Xã Liên Hiệp	DTTS	MN	III
68	Xã Tiên Yên	DTTS	MN	III

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực
		DTTS	MN	
69	Xã Xuân Giang	DTTS	MN	III
70	Xã Bằng Lang	DTTS	MN	III
71	Xã Yên Thành	DTTS	MN	III
72	Xã Quang Bình	DTTS	MN	III
73	Xã Thông Nguyên	DTTS	MN	III
74	Xã Hồ Thâu	DTTS	MN	III
75	Xã Nậm Dịch	DTTS	MN	III
76	Xã Tân Tiến	DTTS	MN	III
77	Xã Hoàng Su Phì	DTTS	MN	III
78	Xã Thàng Tín	DTTS	MN	III
79	Xã Bản Máy	DTTS	MN	III
80	Xã Pờ Ly Ngài	DTTS	MN	III
81	Xã Xín Mần	DTTS	MN	III
82	Xã Pà Vây Sủ	DTTS	MN	III
83	Xã Nám Dẩn	DTTS	MN	III
84	Xã Trung Thịnh	DTTS	MN	III
85	Xã Khuôn Lùng	DTTS	MN	III
86	Xã Tiên Nguyên	DTTS	MN	III
87	Xã Quảng Nguyên	DTTS	MN	III